

TẬP QUÁN VÀ NGHI LỄ HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI RA-GLAI Ở HUYỆN KHÁNH VĨNH, TỈNH KHÁNH HÒA

TRẦN DŨNG

1. Đặt vấn đề

Khánh Vĩnh là một huyện miền núi nằm ở cực Tây của tỉnh Khánh Hòa, phía Bắc giáp thị xã Ninh Hòa, phía Tây giáp huyện Krông Pách (tỉnh Đắk Lắk), phía Nam giáp thành phố Cam Ranh, phía Đông giáp huyện Diên Khánh. Hiện nay, trên địa bàn Khánh Vĩnh có 15 tộc người cùng chung sống; trong đó, Ra-glai là một trong số ít tộc người thuộc ngữ hệ Malayo-Polinesien (Nam Đảo), có mặt sớm nhất ở vùng đất này. Có thể nói, trong văn hóa truyền thống của người Ra-glai, tập quán và các nghi lễ hôn nhân là những yếu tố tiêu biểu, phản ánh nhiều nét đặc trưng của đời sống vật chất lẫn tinh thần, góp phần hình thành bản sắc văn hóa của người Ra-glai.

Cho đến nay, tập quán hôn nhân của người Ra-glai mới chỉ được giới thiệu khái quát trong các nghiên cứu chung (văn hóa, luật tục) về tộc người này. Chẳng hạn như: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)* của Viện Dân tộc học (1984); *Luật tục Chăm và luật tục Raglai* do Phan Đăng Nhật làm chủ biên (2003); *Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam* của Nguyễn Đăng Duy (2004); *Văn nghệ dân gian Khánh Hòa - Tác giả tác phẩm* của Hội Văn học nghệ thuật Khánh Hòa (2006); *Văn*

hóa Raglai những gì còn lại của Phan Quốc Anh (2007)... Hiện chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên biệt về tập quán và nghi lễ hôn nhân của người Ra-glai. Do vậy, bài viết này nhằm giới thiệu thêm một vài đặc trưng văn hóa trong tập quán và nghi lễ hôn nhân của tộc người Ra-glai thông qua nghiên cứu thực địa tại huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

2. Quan niệm và nguyên tắc kết hôn

2.1. Quan niệm về hôn nhân và tập quán lựa chọn bạn đời

Cũng như nhiều dân tộc, hôn nhân là một sự kiện đặc biệt quan trọng trong cuộc đời của mỗi người Ra-glai. Nó là cột mốc đánh dấu sự trưởng thành và chuyển đổi vị thế của nam nữ thanh niên Ra-glai đối với cộng đồng xã hội bởi việc kết hôn giúp cho đôi vợ chồng mới cưới bắt đầu bước vào một vị thế mới với vai trò và trách nhiệm hết sức thiêng liêng: duy trì và phát triển nòi giống cho gia đình, họ tộc. Đây chính là quan niệm bao đời nay của người Ra-glai: “*joc sudiq buh vusac buh còh gadha hudiq vujeh jaròc*” (có vợ có chồng là có sự sống của giống nòi). Mặt khác, hôn nhân tạo nên các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, giữa gia đình và cộng đồng xã hội của tộc người này.

Là dân tộc theo chế độ mẫu hệ, song tập quán và nghi lễ hôn nhân của người Ra-glai có nhiều nét đặc trưng riêng, nhất là ở giai đoạn tiền đám cưới. Hôn nhân của người Ra-glai được hình thành trên cơ sở tình yêu tự nguyện của đôi trai gái, có sự chấp thuận của các bậc cha mẹ và được thực hiện theo quy định của phong tục truyền thống của dân tộc.

Ở một số dân tộc thiểu số theo chế độ mẫu hệ nói chung, người con gái đi cưới chồng phải chuẩn bị đồ sính lễ cho nhà trai; do vậy, có quan niệm là chàng rể do nhà gái mua về, nên người con trai không có quyền hạn gì ở bên gia đình nhà vợ. Chẳng hạn, theo tập quán hôn nhân của người Cơ-ho ở Lâm Đồng, “Con gái chủ động trong tình yêu. Nhà gái mang sính lễ đến nhà trai hỏi chồng và hôn nhân đã mang tính chất mua bán. Quyền chủ động trong cưới xin thuộc về gia đình nhà gái...” (Bùi Minh Đạo, 2010, tr. 32). Hay như trường hợp người Ê-đê ở xã Khánh Hiệp, Khánh Vĩnh, sống cận cư với người Ra-glai, việc cưới xin đều do nhà gái hoàn toàn chủ động, quyết định... Trong khi đó, ở người Ra-glai thì ngược lại, nhà trai phải đi hỏi nhà gái và phải chuẩn bị đồ sính lễ. Nhà gái có quyền đòi hỏi nhà trai một số đồ sính lễ, không phải là vàng bạc châu báu, mà bằng “*Thoc pàq, sanràq lumã*” (Dao bốn, giáo năm)¹, những vật minh chứng cho sức mạnh và sự tài giỏi của chàng trai, vì đây là tiêu chí hàng đầu của chàng trai Ra-glai mà gia đình người con gái đặc biệt quan tâm. Đây cũng là một trong những đặc trưng, thể hiện sự khác biệt trong hôn

nhân của người Ra-glai so với các dân tộc mẫu hệ nói trên.

Về tiêu chí chọn bạn đời, đối với người con gái Ra-glai, khi đến khoảng 15 - 16 tuổi - tuổi “bắt chồng” (*mã vusàc*), thường mong muốn “bắt” được người chồng như ý muốn: một người chồng tốt, biết yêu thương, chăm sóc cho gia đình bên vợ; có sức khỏe để gánh vác các việc nặng nhọc, lo việc phát triển kinh tế cho gia đình. Còn về phía người con trai, ai cũng mong muốn có được người vợ tính tình hiền lành, thùy mị, chăm làm, yêu thương chồng con và có hình thức dễ nhìn. Tuy nhiên, người con gái có những đức tính thùy mị, hiền lành, siêng năng, tháo vát là những tiêu chí hàng đầu đối với các chàng trai. Theo kinh nghiệm chọn vợ của người Ra-glai, thường những biểu hiện bề ngoài cũng có thể đoán được đức tính của các cô gái:

“*Cười ha hả bôi trét cán chà gạo*

Cười mím mím giời tay làm ăn”.

(Nguyễn Thế Sang, 2005, tr. 175)

Khác với một số dân tộc khác, người Ra-glai không có tục so tuổi, xem mệnh số của đôi trai gái, cũng không xem ngày giờ tốt xấu trong việc tiến hành các nghi lễ hôn nhân. Các nghi lễ của người Ra-glai, trong đó có hôn nhân, thường được thực hiện vào những dịp nông nhàn, hoặc những thời điểm rảnh rỗi của bà con, họ tộc.

2.2. Nguyên tắc và một số tục lệ liên quan đến hôn nhân

Cũng như người Ra-glai ở các vùng khác, nói về tục lệ kết hôn, người Ra-glai ở Khánh Vĩnh có câu:

¹ Đây là số lễ vật quy định chung trong hôn nhân của cộng đồng Ra-glai trước đây. Trên thực tế, không phải gia đình nhà gái nào cũng buộc nhà trai nộp đủ số đồ sính lễ nói trên.

“Taq cayou mũ caih pajior gwi sàc

Mãq gwq ràc pajior gwi droi”.

(Chặt cây trên rừng biến thành cột nhà

Bắt người ta về biến thành người của mình).

Nói cách khác, ngoại hôn dòng họ là nguyên tắc bắt buộc trong hôn nhân của người Ra-glai. Điều này đã được người Ra-glai quy định một cách nghiêm ngặt, rõ ràng trong luật tục. Theo đó, những người cùng một họ chưa quá bảy đời không được kết hôn với nhau; cấm hôn nhân giữa các anh chị em con cô con cậu, giữa con riêng của vợ và con riêng của chồng; cấm cha mẹ nuôi kết hôn với con nuôi... Nếu ai vi phạm những điều cấm này, người đó sẽ bị xếp vào tội loạn luân và sẽ bị làng phạt rất nặng, bởi theo quan niệm của người Ra-glai, những người vi phạm không chỉ làm ô uế thanh danh gia đình, dòng họ, mà còn xúc phạm đến thần linh, gây tai họa cho cộng đồng... Lý giải điều này, ông Chiêu Đình Khánh (66 tuổi, người Ra-glai ở làng Sơn Thành, xã Khánh Phú), cho biết: “Người Ra-glai rất sợ những vụ loạn luân xảy ra trong làng, vì họ sợ thần linh sẽ trừng phạt, làm cho hạn hán, mất mùa, dịch bệnh... Do vậy, làng sẽ bắt gia đình những đôi trai gái vi phạm phải nộp các lễ vật, gồm: 1 con trâu, 1 con lợn, 1 cặp gà và 9 ché rượu để làm lễ cúng tạ tội với tổ tiên ông bà và thần linh... Sau đó, chỉ những đôi trai gái có quan hệ họ hàng xa mới có thể được phép lấy nhau”. Ngoài ra, luật tục Ra-glai cũng phạt rất nặng đối với những tội: đàn bà góa dụ dỗ con trai mới lớn; đàn ông có vợ dụ dỗ con gái; thông dâm giữa những người đã có vợ hoặc chồng. Có thể thấy, xã hội Ra-glai rất khắt khe, lên án những người vi phạm phong tục truyền thống. Chính điều

này có tác dụng rất tích cực trong việc giáo dục cũng như giữ gìn phong tục truyền thống của người Ra-glai.

Hôn nhân của người Ra-glai thực hiện theo chế độ một vợ một chồng. Xã hội Ra-glai rất đề cao tình yêu chung thủy vợ chồng, lên án các trường hợp bỏ chồng bỏ vợ; do vậy, trước đây rất hiếm trường hợp ly hôn. Tuy nhiên, nếu xảy ra ly hôn, tập tục cũng quy định việc phân xử một cách cụ thể trong từng trường hợp. Chẳng hạn, trường hợp hai vợ chồng thuận tình ly hôn thì không bên nào phải chịu bồi thường; nếu người chồng tự ý bỏ vợ thì phải bồi thường cho nhà gái 2 mặt mã la, 1 nồi đồng, 1 con trâu...; nếu vợ bỏ chồng thì phải bồi thường nhiều hơn. Ông Cao Văn Quyết (70 tuổi, người Ra-glai ở làng Bến Lẽ, xã Khánh Bình) cho rằng, tùy vào quy định của mỗi làng mà mức phạt có thể nhiều hay ít. Tuy nhiên, nếu chồng bỏ vợ do lỗi của người vợ hoặc ngược lại thì không ai phải bồi thường. Trong trường hợp này, làng sẽ đứng ra hòa giải, khuyên răn người chồng hoặc người vợ phạm lỗi; nếu sau một thời gian mà người chồng hoặc người vợ không sửa đổi, làng sẽ cho phép họ ly hôn. Trường hợp người chồng bỏ nhà đi lâu ngày, trong khoảng ba năm, nhưng vẫn còn tin tức, thì người vợ ở nhà không được lấy chồng khác. Nếu người chồng bất tin trong một thời gian dài (từ 3 năm trở lên), người vợ được phép tái giá nhưng phải có sự đồng ý của làng bởi vì người phụ nữ muốn tái giá phải trình với làng, làng sẽ phân xử, sau đó mới quyết định cho tái giá hay không.

Bên cạnh đó, việc hủy hôn ước trước khi cưới, phong tục Ra-glai cũng có quy định rất cụ thể. Nếu lỗi do người con trai,

hoặc do nhà trai chủ động hủy bỏ hôn sự, nhà trai sẽ không được nhận lại đồ sính lễ đã trao cho nhà gái trong dịp lễ ăn hỏi; nếu nhà gái chủ động hủy bỏ hôn sự thì phải bồi thường cho nhà trai gấp đôi số sính lễ đã nhận từ nhà trai...

Ngoài những nguyên tắc trên, hôn nhân của người Ra-glai nhìn chung không có những quy định quá khắt khe như một số dân tộc khác: ví dụ như trường hợp của dân tộc Cơ-ho ở Lâm Đồng không chỉ cấm hôn phối trong cùng một dòng họ mà còn cấm một số họ khác nhau không được lấy nhau [Lê Văn Kỳ (Chủ biên), 2007, tr. 145]; hay như trường hợp người Chăm Ahier (Chăm Balamôn), không chỉ cấm hôn nhân giữa những người khác dân tộc, mà còn cấm những người khác tôn giáo kết hôn, người Chăm Ahier chỉ được kết hôn với người Chăm Ahier (Phan Quốc Anh, 2010, tr. 138)... Trong khi đó, phong tục Ra-glai không cấm kết hôn với người khác dân tộc. Ở Khánh Hòa, trước đây đã có trường hợp người Ra-glai kết hôn với người khác dân tộc, tuy không nhiều. Họ thường có quan hệ hôn nhân với người Chu-ru, T'ring (Cơ-ho) và Ê-đê, do sống cận cư với nhau. Sau năm 1975, đặc biệt là từ sau Đổi mới (1986), ngoài kết hôn với các tộc người trên, người Ra-glai còn kết hôn với người Việt và một vài dân tộc thiểu số di cư đến từ miền núi phía Bắc (như Dao, Tày, Nùng...). Mặt khác, hôn nhân của người Ra-glai cũng không có sự trói buộc đối với người chồng hoặc người vợ trong trường hợp một trong hai người chết đi, cũng không có tục “nối dây” như ở các dân tộc mẫu hệ (Ê-đê, Gia-rai, Mnông...) (Nguyễn Xuân Phước, 2010, tr. 43). Do vậy, ở người Ra-glai không xảy ra những hệ lụy do những quy định mang tính nguyên tắc về hôn nhân như các dân tộc mẫu hệ nói trên.

Như vậy, mặc dù cũng là dân tộc mẫu hệ, song nguyên tắc và các tục lệ hôn nhân của người Raglai có những nét đặc trưng riêng. Về cơ bản, người Raglai cũng tuân thủ các tập quán của xã hội mẫu hệ như: con gái đi bắt chồng, người con trai về ở rể bên gia đình vợ, con cái sinh ra theo họ mẹ... Tuy vậy, ở một vài khía cạnh, hôn nhân của người Raglai có sự khác biệt ở chỗ: việc kết hôn của đôi trai gái được hình thành trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có sự chấp thuận của cha mẹ và bà con họ tộc, nguyên tắc kết hôn không quá khắt khe (có thể kết hôn với người ngoại tộc, không bắt buộc phải lấy anh em hoặc chị em của người chồng hay người vợ đã mất)... Mặt khác, hôn nhân của người Raglai còn có sự khác biệt về vai trò, vị trí của người đàn ông trong gia đình, xã hội so với các dân tộc mẫu hệ khác².

3. Tập quán và nghi lễ hôn nhân

Theo phong tục của người Raglai, các nghi thức trong hôn nhân truyền thống gồm: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ gặp mặt trước khi cưới, lễ cưới. Đáng chú ý là người Raglai có hai hình thức cưới khác nhau, đó là cưới thường (*huaq vu*), dành cho đôi “trai trắng, gái lành” (*lacoj lageh, cumoi siaq*) và cưới phạt (*vuh mũa*), dành cho những đôi trai gái vi phạm phong tục của ông bà tổ tiên. Trong đó, tục cưới phạt cũng có những quy định khác nhau, tùy thuộc vào mức độ vi phạm của đôi trai gái...

3.1. Tập quán và nghi lễ trước đám cưới

3.1.1. Việc trai gái tìm hiểu nhau (*duah thou pãc*)

Đối với người Ra-glai, việc trai gái tìm hiểu trước khi kết hôn đều do người con trai

² Xem thêm Trương Bi (Chủ biên) (2007), *Văn hóa mẫu hệ Mnông*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 80-86.

hoàn toàn nắm thế chủ động. Cho dù người con gái đã “ung bụng” một người con trai nào đó, cô ấy cũng không được mở lời trước, bởi theo cái lý của phong tục Ra-glai, thì:

“Con trâu đi tìm sinh lầy

Không bao giờ sinh lầy đi tìm con trâu”.

[Phan Đăng Nhật (Chủ biên), 2003, tr. 509]

Theo tập quán dân tộc, nam nữ thanh niên Ra-glai đến tuổi lấy vợ bắt chồng thường tìm hiểu nhau qua các dịp lễ hội hoặc qua các vụ mùa. Theo các cụ già người Ra-glai, ngày xưa, nếu nghe làng nào có lễ hội ăn đầu lúa hay lễ hội bỏ mả thì trai gái các làng đến tham dự rất đông, có người ở cách xa hàng chục km vẫn tìm đến bởi đây là dịp trai gái có cơ hội gặp gỡ, tìm hiểu làm quen nhau. Ông Cao Sung (71 tuổi, ở thôn Hòn Dù, xã Khánh Nam) nhớ lại rằng, khi đôi bên đã để ý nhau, chàng trai chủ động làm quen bằng cách mời cô gái ăn trầu, hút thuốc, nếu cô gái “ung bụng” thì sẽ phát tín hiệu bằng cách nhận trầu cau hoặc thuốc của chàng trai, cô gái tuyệt đối không được “bắt quen” trước. Sau một thời gian tìm hiểu, chàng trai mới ngỏ lời với cô gái; nếu gia đình cô gái và cô gái “ung bụng”, chàng trai về thưa chuyện với cha mẹ mình. Cha mẹ của chàng trai sau khi tìm hiểu, dò hỏi thêm về gia cảnh của cô gái, nếu không có gì vướng víu, sẽ nhờ người mai mối (*janũq phut*) sang nhà gái dạm hỏi cô gái cho con mình.

3.1.2. Lễ dạm hỏi (*nău puaiq tinhã*)

Theo phong tục Ra-glai, lễ chạm ngõ cũng do nhà trai chủ động tiến hành. Sau khi

trai gái được cha mẹ hai bên đồng ý cho tiến tới hôn nhân, nhà trai nhờ mai mối sang nhà gái làm lễ chạm ngõ.

Với dân tộc Ra-glai, người đứng ra làm mối cho nhà trai là người đàn ông có gia thế tốt, còn cả vợ chồng, nhiều con cái, nhất là phải có con gái, am hiểu về phong tục tập quán, có điều kiện kinh tế sung túc. Điều đặc biệt trong cưới hỏi ở người Ra-glai là mai mối phải do hai người thực hiện, gồm một ông mai đầu và một ông mai cuối, nên gọi là ông mai gốc và ông mai ngọn. Trong đó, mai đầu chịu trách nhiệm chính, mai ngọn chỉ phụ giúp. Theo tập tục, hai ông mai này không chỉ có trách nhiệm trong mai mối, dạm hỏi, cưới xin, mà cả khi đôi vợ chồng ăn ở với nhau, nếu gặp phải vấn đề bất ổn (cãi nhau vì chuyện ăn ở, ứng xử, việc con cái, thậm chí kể cả vấn đề tài sản...), ông mai phải phân xử, hòa giải để hai bên họ hàng và đôi vợ chồng chung sống hòa thuận; nếu chẳng may vợ chồng buộc phải ly hôn, ngoài việc tham gia vào việc phân xử, ông mai cũng phải chịu một phần trách nhiệm...

Lễ dạm hỏi diễn ra tại nhà gái, trong đó, bên nhà trai có 4 người (2 ông mai, 1 ông cậu và 1 người chị hoặc em gái chú rể), còn bên nhà gái có cha mẹ của cô gái, ông cậu của cô gái hoặc có thể có thêm ông bà, dì, anh trai của cô gái... Sau khi nói rõ mục đích của việc gặp mặt, ông mai trình các lễ vật gồm trầu, cau, rượu... Nếu nhà gái chấp nhận, sẽ gọi cô gái ra hỏi. Khi đó, cô gái dù đã ung bụng nhưng để giữ ý tứ, vẫn vờ từ chối để ông mai thuyết phục rồi mới chấp thuận. Lúc này, ông cậu thay mặt nhà gái nói rõ về sinh lễ cho ăn hỏi; nếu số sinh lễ quá nhiều thì hai ông mai có nhiệm vụ thuyết phục để nhà gái giảm bớt. Sau khi hai bên

thống nhất về những điều kiện mà nhà gái đưa ra, ông mai rót rượu mời hết mọi người bên nhà gái, kể cả cô gái và hên ngày làm lễ ăn hỏi. Trước khi ra về, ông mai không quên nhắc nhở đôi trai gái phải giữ gìn, tránh “đụng chạm” để hôn nhân được tiến hành suôn sẻ.

3.1.3. Lễ ăn hỏi (*poi paleq pajoh puaiq tinhã*)

Theo tập quán người Ra-glai, lễ ăn hỏi cũng do nhà trai chủ động thực hiện. Sau khi hai gia đình thống nhất về ngày làm lễ ăn hỏi ở lần đàm hỏi trước, nếu không có “trục trặc”, ăn hỏi sẽ được tổ chức theo thời gian đã định.

Đúng ngày hên, họ nhà trai gồm hai ông mai, chàng rể và một người chị hoặc em gái mang lễ vật sang nhà gái để ăn hỏi. Lễ vật gồm: trầu cau, 1 bầu rượu, vòng hạt cườm, 1 chiếc nhẫn bằng bạc hoặc bằng đồng, 1 bộ áo quần cho cô dâu. Điều đặc biệt là các lễ vật không được có màu đỏ, do quan niệm màu đỏ liên quan đến sự chết chóc (?). Tiếp đón nhà trai trong lễ này có cha mẹ cô gái và người cậu hoặc anh ruột của cô gái, cũng có thể thêm ông bà và các dì. Khởi đầu lễ hỏi, ông mai trình lễ vật với nhà gái và xin phép nhà gái cho chàng trai được tiến tới hôn nhân cùng cô gái. Ngay sau khi nhà gái nhận đồ lễ, ông mai gốc rót một ly rượu cho cô gái uống. Sau đó, cô gái vào buồng mặc bộ quần áo mà nhà trai tặng, rồi ra mời chàng trai 1 ly rượu (do ông mai đưa). Tiếp đến, ông cậu của cô gái đứng ra yêu cầu nhà trai một số sính lễ cho đám cưới. Theo nhiều người già Ra-glai, ngoài các lễ vật như trầu cau, rượu, thuốc..., sính lễ quan trọng và quý giá mà nhà gái đòi hỏi trong đám cưới ngày xưa là các mũi giáo [có lẽ được làm bằng đồng, nên đồng bào gọi là đồng sắt, đồng lá (?)]. Nếu

cô gái bắt chồng là con đầu hoặc con út, nhà gái đòi hỏi nhà trai phải nộp đủ 5 mũi giáo; trường hợp con thứ thì chỉ yêu cầu 2 mũi giáo. Do vậy, nếu cảm thấy nhà trai không có đủ số mũi giáo như yêu cầu, ông mai sẽ đứng ra thương lượng với nhà gái, hoặc xin nhà gái cho thay thế số mũi giáo còn thiếu bằng lễ vật khác như vải, rượu... Nếu nhà gái nhất quyết không chịu, ông mai xin nhà gái cho khát lại một thời gian, sau cưới sẽ nộp đủ. Thỏa thuận xong về đồ sính lễ, hai bên thống nhất ngày làm lễ cưới. Từ đây về sau, bên nào đổi ý, không chịu tiến tới hôn nhân thì bên đó phải chịu phạt theo quy định của luật tục.

3.1.4. Lễ gặp mặt trước khi cưới (*pol tapuoh patouq pattom*)

Lễ gặp mặt diễn ra cả hai bên nhà trai và nhà gái, theo đó, lễ được tổ chức ở nhà trai trước. Nhà trai mời họ nhà gái (không hạn chế số lượng) sang gặp mặt; tuy nhiên, cũng tùy thuộc điều kiện kinh tế của nhà trai do ông mai cho biết trước, mà số người bên nhà gái sang nhà trai có thể nhiều hay ít. Bà Cao Thị Hành (66 tuổi, làng Bến Khé, xã Khánh Bình) kể rằng, trước đây, ở những gia đình khá giả, số người nhà gái sang thăm nhà trai rất đông, ngoài cô dâu, cha mẹ, ông bà, anh chị em ra, còn có các cậu, dì, chú, bác. Còn ở những nhà bình thường, số người nhà gái bằng số người nhà trai lúc sang ăn hỏi, tức nhà trai sang ăn hỏi bao nhiêu người thì nhà gái qua lại bấy nhiêu. Nhà trai chuẩn bị đón tiếp nhà gái bằng 1 ché rượu cần và 1 con lợn. Sau đó, nhà gái lại mời nhà trai sang gặp mặt vào một ngày gần nhất, và cũng tiếp đón nhà trai như nhà trai đã tiếp đón mình. Mục đích của lễ gặp mặt là giúp cho hai họ hiểu rõ hơn điều kiện, hoàn cảnh

gia đình, họ tộc của hai bên mà trước đó họ chỉ mới được nghe ông mai thông báo. Sau khi biết rõ về gia cảnh của hai bên họ hàng, các bậc cha mẹ sẽ dạy cho con mình cách ứng xử cho đúng mực đối với phong tục của đôi bên. Cũng trong dịp này, ông mai sẽ kiểm tra việc chuẩn bị cho lễ cưới của cả hai họ, đồng thời hai họ cùng thống nhất lần cuối về ngày tổ chức lễ cưới, kể cả mọi vấn đề liên quan đến lễ cưới của đôi trai gái.

Sau nghi thức gặp mặt giữa hai bên gia đình, trong thời gian chờ ngày làm đám cưới, hai bên thông gia còn cho con mình sang thăm nhà của nhau. Đầu tiên, chàng trai sang làm rể cho nhà gái trước. Trong thời gian ở nhà cô gái (có thể từ 10 ngày đến 1 tháng, tùy vào các thời điểm, như gặp vụ mùa, phát rẫy, thu hoạch...), chàng trai tham gia giúp đỡ các công việc nương rẫy nhằm mục đích làm tăng thêm tình cảm đối với cô gái và gia đình bên gái, mặt khác, để chứng tỏ cho nhà gái biết khả năng, sức lực của mình trong việc đảm trách công việc của người đàn ông trong gia đình. Về phía nhà gái, họ cũng cho con gái cùng người em sang ở nhà trai một vài ngày trước khi cưới. Trong thời gian này, cô gái cũng tham gia vào các công việc của gia đình nhà trai. Đáng lưu ý là trong thời gian chàng trai đến ở bên nhà gái và ngược lại, đôi trai gái không được quá thân mật với nhau, vì cha mẹ và họ hàng rất sợ họ “ăn com trước keng”. Vì vậy, ở bên nhà trai, cô gái phải ngủ cùng mẹ chồng. Do có sự kèm cặp sát sao của các bậc cha mẹ nên các đôi trai gái hiếm có cơ hội “đụng chạm” trước khi làm lễ cưới. Và lại, nếu để xảy ra điều này, họ sẽ không được làm đám cưới trang trọng, sẽ bị ông bà trách phạt, xóm làng chê cười. Lễ tất

nhiên, cha mẹ, họ tộc hai bên, bà con lối xóm và cả đôi trai gái không ai muốn điều này xảy ra.

3.2. Tập quán và nghi lễ trong đám cưới

Theo tục lệ của người Ra-glai ở Khánh Vĩnh, nghi lễ đám cưới được tiến hành lần lượt ở cả hai họ, nhà trai tổ chức trước rồi mới đến nhà gái. Hoặc có thể chỉ tổ chức ở nhà gái. Nếu chỉ tổ chức một lần ở nhà gái, nhà trai phải góp một phần lễ vật theo sự thỏa thuận giữa hai họ. Tùy điều kiện của hai gia đình mà lễ vật đóng góp nhiều hay ít. Thông thường, ngoài đồ sinh lễ như dao, mũ giáo, mũ tên..., nhà trai phải đóng góp với nhà gái: rượu, gạo, lợn, gà... để cùng lo tổ chức đám cưới.

3.2.1. Lễ cưới ở nhà trai

Theo tập quán dân tộc, đám cưới ở bên nhà trai thường được tổ chức vào buổi sáng. Hôm ấy, họ nhà gái sang nhà trai “bắt chồng”, nhưng không mang theo lễ vật như các dân tộc mẫu hệ khác. Nhà trai ra tiếp đón nhà gái từ đầu ngõ; ở những gia đình khá giả, nhà trai lót chiếu từ đầu ngõ vào tận nhà để đón nhà gái. Khi nhà gái vào đến sân, trước khi lên nhà làm lễ, họ nhà trai rót rượu mời họ nhà gái. Theo tục lệ, dưới sự điều khiển của ông mai, cha mẹ nhà trai mời rượu cha mẹ nhà gái, bà con nhà trai mời rượu bà con nhà gái, rồi hai họ cùng vào nhà... Tiếp đến, dưới sự điều hành của ông mai, chàng rể rót một ly rượu mời cô dâu uống; sau đó, cô dâu rót rượu mời chàng rể, rồi hai vợ chồng cùng mời mẹ chồng ly rượu. Mẹ chồng nói lời chúc phúc và dặn dò hai vợ chồng phải yêu thương nhau, sống với nhau đến trọn đời mãn kiếp và tuyên bố kết thúc phần nghi thức này.

Ngay sau khi kết thúc nghi thức mời rượu, nhà trai mời nhà gái ăn cơm, uống rượu. Sau đó, ông mai bảo người nhà dọn tiếp hai mâm thức ăn và rượu: một mâm cho cha mẹ chồng, mâm kia cho cô, cậu của họ nhà trai. Theo quy định, cha mẹ chồng được một phần, gồm 1 con lợn và 1 ché rượu (quy định là vậy nhưng thực tế trong mâm của họ chỉ có 2 đĩa thịt và đủ các bộ phận nội tạng của con vật: gan, lòng... - mỗi thứ một ít); cô cậu mỗi người 1 con gà, có thể chung nhau 1 ché rượu. Cô dâu và chú rể dứt cơm, rót rượu cho cha mẹ chồng và cô cậu bên chồng, nhưng chỉ dứt tượng trưng mỗi người 1 miếng thức ăn và 1 ly rượu. Sau đó, dưới sự điều khiển của ông mai, toàn bộ thức ăn, đồ uống trong nhà bếp được dọn lên để mời họ nhà gái và cảnh tượng lúc này mới thật nhộn nhịp. Theo tập tục, nhà trai mời nhà gái ăn cơm uống rượu phải tuân thủ quy tắc: nam mời nam, nữ mời nữ, và theo trình tự, cha chồng mời cha vợ, mẹ chồng mời mẹ vợ, bà con bên chồng mời bà con bên vợ, sau cùng mới đến bà con hàng xóm. Bà Cao Thị Hiền (67 tuổi, thôn Bến Lẽ, xã Khánh Bình) kể rằng, trước kia, có đám cưới, bà con bên nhà gái có tới hàng trăm người, nhà trai phải tiếp đón ân cần, chu đáo, sau đó còn lại gì thì họ nhà trai ăn nấy. Đây là cách thể hiện sự chân tình, hiếu khách của người Ra-glai. Sau nghi thức trên, nhà trai mời bà con hàng xóm chung vui cùng gia đình, làm cho không khí cưới thật rộn rã. Mọi người ăn uống, cười nói vui vẻ, bởi họ không còn phải thực hiện nghi thức nào cả.

Ăn uống xong, hai họ cùng bà con xóm giềng bước vào phần hội của đám cưới. Lúc này, dưới sự thể hiện của các nghệ nhân, các bài ca, điệu nhạc, điệu múa...

vang lên hết sức rộn ràng, hấp dẫn. Hai họ nhà trai và nhà gái cũng thi tài hát đối đáp, tấu nhạc; các chàng trai, cô gái được dịp thể hiện tài năng ca hát, tấu nhạc của mình nhằm thu hút sự chú ý của các cô gái, chàng trai làng khác...

Sáng hôm sau, trước khi tiễn đoàn nhà gái ra về, ngoài việc biếu họ nhà gái một phần lễ vật, gồm: 1 đầu lợn, 1 đùi phải lợn và 1 quả tim lợn, nhà trai còn mời nhà gái uống rượu, ăn thịt, rồi chia tay nhau ở trước sân nhà.

3.2.2. Lễ cưới ở nhà gái

Theo phong tục người Ra-glai, lễ cưới ở nhà gái cũng tiến hành với các nghi thức, lễ tục tương tự như ở nhà trai, nhưng có thêm nghi thức trao lễ vật và lễ “*Boc vu parah*” (ăn cơm cháo) của cô dâu, chú rể. Cưới ở nhà gái thường diễn ra vào buổi chiều. Sau khi tiếp đón nhà trai bằng cách mời rượu ngoài sân như đám cưới ở nhà trai, nghi lễ chính thức được tiến hành bên trong nhà, dưới chân cột cái:

** Nghi thức trao lễ vật trong đám cưới (tahnual adāt pateq tahnāi vroi caya la voh huaq vu)*

Tiến hành lễ, ông mai đại diện họ nhà trai, trình bày cụ thể mục đích, nội dung của buổi lễ, như: xin phép họ nhà gái đón nhận chàng rể, yêu thương đùm bọc chàng rể... rồi đưa ra các lễ vật mà hai họ đã thống nhất với nhau ở lần ăn hỏi, trước sự chứng kiến của ông bà và bà con hai họ. Nếu có sự thiếu hụt, ông mai là người đứng ra bảo lãnh cho nhà trai; phía nhà gái có ông cậu làm chứng và ghi nhận vấn đề này. Trong thực tế, điều này đã được thống nhất giữa hai nhà ở lễ ăn

hỏi, song vẫn phải nói ra ở lễ cưới để cho ông bà và bà con bên họ nhà gái hiểu rõ.

** Nghi thức “ăn cơm cháo” (boc vu parah)*

Đây là nghi thức - lễ tục quan trọng trong đám cưới của người Ra-glai bởi theo quan niệm của dân tộc, trước khi chính thức trở thành vợ chồng, cô dâu và chú rể phải ăn chung một bát cơm, với ý nghĩa là vợ chồng sẽ gắn bó với nhau đến trọn đời mãi kiếp. Để tiến hành nghi thức, mẹ cô dâu trực tiếp trải 1 chiếc chiếu xuống sàn nhà cho đôi vợ chồng trẻ cùng ngồi vào, đồng thời sai người nhà dọn một mâm cơm gồm 2 bát cơm đầy có ngọn (1 bát cơm để cô dâu và chú rể ăn chung và bát cơm còn lại được dùng để tiếp thêm khi bát của cô dâu và chú rể bị vơi, tránh bị thiếu cơm) và 1 bát thịt lợn hoặc thịt gà xào. Trước khi bắt đầu nghi thức dứt cơm, cô dâu và chú rể rửa tay trong một tô nước đã được gia đình đặt sẵn bên cạnh. Đầu tiên chàng rể bóc com bằng tay dứt cho cô dâu ăn đủ 2 vốc (có kèm thức ăn), cô dâu đáp lại bằng cách thực hiện giống hệt như cách của chú rể. Sau đó, chú rể và cô dâu tự bóc com ăn dưới sự chứng kiến của hai người mẹ, đặc biệt là mẹ của cô dâu (nếu cô dâu không còn mẹ thì chị em gái hoặc dì sẽ thay thế). Theo tục lệ, chú rể tự ăn 7 vốc com, cô dâu phải ăn 8 vốc (có nơi quy định ít hơn nhưng bắt buộc cô dâu phải ăn nhiều hơn chú rể; vì vậy, gia chủ phải chuẩn bị 2 bát cơm, trong đó 1 bát để tiếp cô dâu và chú rể). Ăn xong, cô dâu bưng 1 ly rượu cho chàng rể uống và ngược lại, rồi kết thúc nghi thức “ăn cơm cháo”. Điều thú vị là nghi thức dứt cơm bằng tay chỉ dành cho đôi vợ chồng còn trong trắng, chưa có chung đụng xác thịt; nếu trai gái lỡ “đụng chạm” trước đó thì

không được bóc com bằng tay, mà phải dùng bằng đũa. Có thể nói, đây là nghi thức hết sức quan trọng trong hôn lễ của người Ra-glai, đặc biệt là đối với họ nhà gái bởi theo quan niệm của người Ra-glai, người con trai về ở bên nhà vợ thì phải toàn tâm toàn ý, hết lòng chăm lo cho gia đình bên vợ; do vậy, nếu chàng rể ăn phần com nhiều hơn cô dâu thì sợ rằng sau này chàng rể không nghe lời, không hết lòng với gia đình vợ (!?). Điều này dường như có sự trùng hợp với quan niệm cổ truyền của người Việt, có điều ở người Việt thì ngược lại, cô dâu về nhà chồng thì phải hết lòng với nhà chồng và nhà chồng đối xử như: “dâu là con, rể là khách”. Bởi vậy mới có tục lệ sau khi rước dâu về, lúc vào buồng hợp cẩn, cô dâu không được bước vào trước chú rể (?).

Ngoài ra, trong đám cưới ở nhà gái, người Ra-glai còn có tục bói lười gà để đoán biết về cuộc sống của đôi vợ chồng về sau. Theo người già, nếu lười của con gà, sau khi được luộc chín, vẫn giữ được hình dáng ban đầu, không bị lệch về hai bên, thì hôn nhân của đôi vợ chồng sẽ hạnh phúc, suôn sẻ về sau; ngược lại, nếu lười gà bị lệch hoặc bị uốn cong về phía sau thì họ sẽ gặp trắc trở (?).

Sau khi kết thúc phần nghi thức, mọi người cùng bước vào phần hội. Khác với đám cưới ở nhà trai, phần hội ở nhà gái có thể kéo dài từ 2 đến 3 ngày. Nhất là ở những gia đình khá giả, không chỉ bà con họ tộc mà cả khách từ các làng khác cũng được mời tham dự ăn uống, hát hò thâu đêm. Điều đặc biệt là trong lúc bà con hai họ còn lưu lại ở đám cưới, đôi vợ chồng trẻ vẫn chưa được ngủ chung. Buổi sáng, trước khi nhà trai ra về, nhà gái cũng làm nghi thức mời rượu

chia tay, biếu một ít lễ vật cho nhà trai như nhà trai đã đối xử với nhà gái trước đó. Ngoài ra, người Ra-glai còn tục lệ, trước khi ra về, người cha cởi chiếc áo đang mặc tặng cho chàng rể, với ngụ ý nhắc nhở đôi vợ chồng phải về thăm cha mẹ sau đám cưới. Chiếc áo này sẽ được chàng trai trả lại cho cha mình khi làm lễ lại mặt.

3.3. Tập quán và nghi lễ sau đám cưới

3.3.1. Lễ lại mặt (*pajup pãpboq mãta*)

Sau lễ cưới khoảng vài ngày đến một tuần, cô dâu cùng chú rể (có thể có thêm 1, 2 người em hoặc chị cô dâu đi cùng) về thăm cha mẹ chồng và biếu nhà chồng 1 ché rượu và 2 con gà. Hai vợ chồng trẻ ở lại nhà cha mẹ chồng một vài đêm, sau đó về ở hẳn bên nhà vợ. Từ đây, các nghi thức hôn nhân coi như kết thúc, chàng trai về sống với gia đình bên vợ, có trách nhiệm xây dựng và phát triển gia đình vợ. Trong thời gian về thăm nhà chồng, đôi vợ chồng trẻ có thể được cha mẹ sắp xếp đến nhà ông mai để tạ lễ, nếu gia đình hai bên đã có sự chuẩn bị lễ vật từ trước khi làm đám cưới.

3.3.2. Lễ tạ ơn ông mai (*pol upah ujai poh janũq juq jalat*)

Như đã trình bày, ông mai là người có vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần quyết định sự thành công của hôn nhân người Ra-glai. Do vậy, người Ra-glai thật sự tin tưởng và biết ơn ông mai. Theo tục lệ, sau đám cưới, hai gia đình nhà trai và nhà gái đều có lễ tạ ơn ông mai; nếu chưa đủ điều kiện, họ sẽ khát lại một thời gian, chứ tuyệt đối không dám quên.

Về lễ vật, hai họ nhà trai và nhà gái đều phải tạ lễ cho hai ông mai, mỗi người

một lễ như nhau gồm: 1 con lợn và 1 ché rượu; nếu gia đình khó khăn thì có thể tạ lễ bằng 1 cặp gà và 1 ché rượu. Lễ này được tiến hành lần lượt ở cả hai nhà ông mai, ông mai đầu được nhận lễ trước, ông mai cuối nhận sau. Theo tập tục, cha mẹ chồng và đôi vợ chồng trẻ sẽ tạ lễ ở nhà ông mai đầu, còn cha mẹ vợ cùng đôi vợ chồng trẻ sẽ tạ lễ ở nhà ông mai cuối. Sau khi nhận lễ vật của đôi vợ chồng trẻ, ông mai làm một mâm cơm mời mọi người cùng ăn. Ở buổi lễ tạ ơn này, ngoài gia đình ông mai, đôi vợ chồng trẻ cùng cha mẹ, còn có thêm bà con của gia đình ông mai; do vậy, buổi lễ diễn ra rất vui vẻ. Sau khi cơm nước xong, mọi người còn tổ chức ca hát, tấu nhạc rất sôi nổi. Hiện nay, việc tạ lễ cho ông mai có nhiều thay đổi, đơn giản hơn so với trước kia...

4. Kết luận

Hôn nhân truyền thống của người Ra-glai có nhiều yếu tố đặc trưng, vừa có sự tương đồng, vừa có sự khác biệt so với hôn nhân của các tộc người khác cùng chế độ mẫu hệ. Những đặc trưng ấy của tộc người Ra-glai được thể hiện rõ nét qua các yếu tố: hôn nhân được hình thành trên cơ sở tình yêu tự nguyện của đôi trai gái, có sự chấp thuận của cha mẹ và bà con họ tộc; nguyên tắc kết hôn không quá khắt khe so với các tộc người mẫu hệ khác, tức có thể kết hôn với người dân tộc khác, không bắt buộc phải lấy anh em hoặc chị em của người chồng hay người vợ đã mất...

Bên cạnh đó, còn có sự khác biệt nhất định về vai trò, vị trí của người đàn ông Ra-glai trong hôn nhân, cũng như trong gia đình và cộng đồng so với các dân tộc khác cùng mẫu hệ bởi đàn ông Ra-glai vẫn có vai

trò, quyền hạn nhất định trong gia đình và ngoài xã hội. Đặc biệt, trong hôn nhân, đàn ông Ra-glai không chỉ là người chủ động tìm hiểu, lựa chọn bạn đời, mà còn chủ động trong việc dạm hỏi, ăn hỏi, phải lo đồ sính lễ cho nhà gái... Có thể nói, hôn nhân của người Ra-glai mang tính chất lưỡng hợp, tức vừa thực hiện theo tập quán của chế độ mẫu hệ, lại vừa có các yếu tố của chế độ phụ hệ.

Cũng như nhiều dân tộc, hôn nhân của người Ra-glai đã có sự biến đổi. Tuy nhiên, những biến đổi này chủ yếu ở mặt hình thức. Hiện nay, ngoại trừ các gia đình Ra-glai theo các tôn giáo mới, đa số người dân Ra-glai, về cơ bản, vẫn thực hiện nghi lễ hôn nhân theo phong tục truyền thống, đồng thời có sự kết hợp các yếu tố mới để hòa nhập với đời sống mới. Do vậy, chính quyền địa phương cần phải có những định hướng, giải pháp cụ thể để giúp người dân tiếp thu có hiệu quả, hài hòa những yếu tố văn hóa mới mà không làm mất đi bản sắc văn hóa của dân tộc đối với người Ra-glai nói riêng và các dân tộc ở huyện Khánh Vĩnh nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Quốc Anh (2010), *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahiêr ở Ninh Thuận*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Trương Bi (Chủ biên) (2007), *Văn hóa mẫu hệ Mnông*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

3. Nguyễn Đăng Duy (2004), *Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

4. Bùi Minh Đạo (2010), “Tính chất hôn nhân, gia đình của người Cơ-ho ở xã Đa Knàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 30-37.

5. Hội Văn học nghệ thuật Khánh Hòa (2006), *Văn nghệ dân gian Khánh Hòa - Tác giả tác phẩm*, Hội Văn học Nghệ thuật Khánh Hòa.

6. Lê Văn Kỳ (Chủ biên) (2007), *Phong tục tập quán cổ truyền một số dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

7. Phan Đăng Nhật (Chủ biên) (2003), *Luật tục Chăm và luật tục Raglai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

8. Nguyễn Xuân Phước (2010), *Nghi lễ đời người Jrai Tubuăn*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

9. Nguyễn Thế Sang (2005), *Luật tục Raglai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

10. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.